

Số: 26/2019/QĐST- HNGĐ

C, ngày 25 tháng 02 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự về **hôn nhân gia đình** thụ lý số **13/2019/TLST-HNGĐ** ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa:

Người yêu cầu:

- **Anh: Triệu Ngọc T**

Địa chỉ: Tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- **Chị: Đàm Thị Hồng V**

Địa chỉ: Tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh: **Triệu Ngọc T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Chị: **Đàm Thị Hồng V**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Ngọc T và chị Đàm Thị Hồng V.

- **Về việc nuôi con chung:** Hai bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Triệu Thị Ngọc M, sinh ngày 22/6/2009 và Triệu Trí N, sinh ngày 20/11/2013.

Hai bên đương sự cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu Triệu Thị Ngọc M cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao cháu Triệu Trí N cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Các bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung, gồm có:

01 xe máy Honda AirBlade biển kiểm soát 11H1-5456 mang tên Đàm Thị Hồng V;

01 xe máy Honda Wave biển kiểm soát 11H1-031.88 mang tên Đàm Thị Hồng V;

01 xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 11A-017.37 mang tên Triệu Ngọc T.

Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Anh T được quyền sở hữu chiếc xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 11A-017.37 mang tên Triệu Ngọc T và xe máy Honda Wave biển kiểm soát 11H1-031.88 mang tên Đàm Thị Hồng V.

Chị V được quyền sở hữu chiếc xe máy Honda AirBlade biển kiểm soát 11H1-5456 mang tên Đàm Thị Hồng V.

- **Về nợ chung, nợ riêng:** Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí giải quyết việc dân sự:** Anh Triệu Ngọc T và chị Đàm Thị Hồng V mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

tiền lệ phí trong T hợp thuận tình ly hôn. Nhưng **anh T** đã tự nguyện chịu thay tiền lệ phí cho **chị V**. Tổng số tiền lệ phí **anh T** phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nay được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí **anh T** đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000328 ngày 11/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố C. Xác nhận **anh T** đã nộp đủ số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- **UBND P. S, TP C;**
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương